

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN		
1.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	1.000288.000.00.00.H29
2.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008724.000.00.00.H29
3.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
4.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	BGD-HCM-285267
5.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	T-HCM-273274-TT
6.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1.000280.000.00.00.H29
7.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1.000691.000.00.00.H29
8.	Quy trình đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã	1.005097.000.00.00.H29
9.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143.000.00.00.H29
10.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.000.00.00.H29
11.	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	1.005144

LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
12.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1.004439.000.00.00.H29
13.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.004440.000.00.00.H29
14.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.001000.000.00.00.H29
LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ		
15.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092.000.00.00.H29
16.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914.000.00.00.H29
LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC		
17.	Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715.000.00.00.H29
18.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713.000.00.00.H29
19.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000711.000.00.00.H29
LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON		
20.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	1.004494.000.00.00.H29
21.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390.000.00.00.H29
22.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.006445.000.00.00.H29
23.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1.006444.000.00.00.H29
24.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.004515.000.00.00.H29

LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC		
25.	Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	1.004555.000.00.00.H29
26.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2.001842.000.00.00.H29
27.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1.004563.000.00.00.H29
28.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1.004552.000.00.00.H29
29.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1.001639.000.00.00.H29
LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
30.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	1.004442.000.00.00.H29
31.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.004444.000.00.00.H29
32.	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	2.001809.000.00.00.H29
33.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1.004475.000.00.00.H29
34.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	2.001818.000.00.00.H29